|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

TRƯỜNG THCS GIA THỤY **TỔ TOÁN - LÝ**

**ĐỀ 1**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: VẬT LÝ 8**

**Năm học 2021 – 2022**

*Ngày kiểm tra: 02/11/2021*

*Thời gian làm bài: 45 phút*

**Em hãy lựa chọn một phương án trả lời cho mỗi câu hỏi sau:**

 **Câu 1: Hành khách ngồi trên toa tầu đang rời nhà ga. Chọn câu nhận xét ĐÚNG:**

1. Hành khách đứng yên so với toa tầu.
2. Tàu đứng yên so với cây bên đường.
3. Hành khách chuyển động so với toa tàu.
4. Tàu chuyển động so với hành khách.

**Câu 2: Nói “Mặt Trời mọc đằng đông lặn đằng tây”, câu giải thích nào sau đây ĐÚNG?** A. Vì Mặt Trời đứng yên so với Trái Đất.

1. Vì Trái Đất quay quanh Mặt Trời.
2. Vì Mặt Trời chuyển động so với vật mốc là Trái Đất.
3. Vì Trái Đất chuyển động ra xa Mặt Trời.

**Câu 3: Chuyển động hay đứng yên chỉ có tính tương đối vì:**

1. một vật đứng yên so với vật này sẽ đứng yên so với vật khác.
2. một vật đứng yên so với vật này nhưng lại chuyển động so với vật khác.
3. một vật chuyển động hay đứng yên phụ thuộc vào quỹ đạo chuyển động.
4. một vật chuyển động so với vật này sẽ chuyển động so với vật khác.

**Câu 4: Một ô tô chở hành khách đang đỗ trên đường. Câu mô tả nào sau đây là *sai*:** A. Ô tô đứng yên so với hành khách.

1. Người lái xe đang đứng yên so với cái cây.
2. Hành khách đang đứng yên so người lái xe.
3. Hành khách đang chuyển động so với người lái xe.

**Câu 5: Người lái đò đang ngồi yên trên một chiếc thuyền thả trôi theo dòng nước. Câu mô tả nào sau *đúng*:**

1. Người lái đò đứng yên so với dòng nước.
2. Người lái đò chuyển động so với dòng nước.
3. Người lái đò đứng yên so cây trên bờ sông.
4. Người lái đò chuyển động so với chiếc thuyền.

**Câu 6: Con chim đang bay trên trời, trong các câu mô tả sau đây, câu mô tả nào là *sai*? A**. Con chim đang chuyển động so với tòa nhà.

1. Con chim đang đứng yên so với tòa nhà.
2. Con chim đang chuyển động so với sân bay
3. Con chim đang chuyển động so với đám mây.

**Câu 7**: Quỹ đạo chuyển động của vật là:

* 1. đường mà vật chuyển động vạch ra trong không gian.
	2. đường thẳng vật chuyển động vạch ra trong không gian.  **C**. đường tròn vật chuyển động vạch ra trong không gian.

**D**. đường cong vật chuyển động vạch ra trong không gian.

**Câu 8: Khi chỉ có một lực tác dụng lên vật thì vận tốc của vật đó sẽ như thế nào?**

* 1. Vận tốc không thay đổi
	2. Vận tốc tăng dần
	3. Vận tốc giảm dần
	4. Có thể tăng dần và cũng có thể giảm dần.

 **Câu 9: Vận tốc của xe máy là 40km/h, của tàu hỏa là 11,6m/s, của ô tô là 14m/s. Cách sắp xếp theo thứ tự vận tốc tăng dần nào sau đây là đúng?**

* 1. Tàu hỏa – ô tô – xe máy.
	2. Xe máy – Tàu hỏa – ô tô.
	3. Tàu hỏa – Xe máy – ô tô.
	4. Xe máy – ô tô – tàu hỏa.

**Câu 10: Vận tốc của oto là 54km/h. Kết quả nào sau đây ứng với vận tốc trên:**

* 1. 54m/s.
	2. 15m/s.
	3. 1,5m/s.
	4. 5,4m/s.

**Câu 11: Một người đi quãng đường dài 2km với vận tốc 20km/h. Thời gian để người đó đi hết quãng đường:**

* 1. 216 giây.
	2. 360 giây.
	3. 6 giờ.
	4. 14,4 phút.

**Câu 12: Làm thế nào để biết ai chạy nhanh ai chạy chậm?**

* 1. Căn cứ vào quãng đường chuyển động.
	2. Căn cứ vào thời gian chuyển động.
	3. Căn cứ vào độ lớn vận tốc.
	4. Căn cứ vào hướng chuyển động.

**Câu 13: Trong các chuyển động sau, chuyển động nào là đều:**

* 1. Chuyển động của kim đồng hồ đang hoạt động bình thường.
	2. Chuyển động của ôtô vào bến.
	3. Chuyển động của xe đạp trên đường.
	4. Chuyển động của cánh quạt khi mới bật.

**Câu 14: Một bạn học sinh đi xe đạp từ nhà đến trường hết 15 phút với chiều dài quãng đường là 2,8km. Vận tốc trung bình của bạn học sinh có giá trị là:** A. 11,2 km/h.

1. 1,12 km/h.
2. 112 km/h.
3. 0,12km/h.

**Câu 15: Một người đi xe đạp xuống một cái dốc dài 220m hết 40 giây, khi hết dốc xe lăn tiếp một quãng đường nằm ngang dài 60m trong 24 giây rồi dừng lại. Vận tốc trung bình của người đi xe đạp đó trên cả quãng đường là:** A. 2,33 m/s.

1. 3,33 m/s.
2. 4,375 m/s.
3. 5,37 m/s.

**Câu 16: Câu nhận xét nào sau đầy đủ nhất khi nói về tác dụng của lực?** A. Lực chỉ làm cho vật chuyển động.

1. Lực chỉ làm cho vật bị biến dạng.
2. Lực làm cho vật chuyển động nhanh lên và biến dạng.
3. Lực làm cho vật bị biến dạng hoặc biến đổi chuyển động hoặc cả hai kết quả cùng xảy ra.

**Câu 17: Muốn biểu diễn một vectơ lực chúng ta cần xác định các yếu tố:** A. Phương, chiều.

1. Điểm đặt, phương, chiều.
2. Điểm đặt, phương, độ lớn.
3. Điểm đặt, phương, chiều, độ lớn.

**Câu 18: Câu nào mô tả đầy đủ các yếu tố trọng lực tác dụng lên vật trong hình vẽ sau đây?**

1. Điểm đặt trên vật, phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.
2. Điểm đặt trên vật, hướng thẳng đứng, độ lớn 20N.
3. Điểm đặt trên vật, phương từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.
4. Điểm đặt trên vật, chiều thẳng đứng, độ lớn 20N.



**Câu 19: Trên hình vẽ là lực tác dụng lên ba vật theo cùng một tỉ lệ xích như nhau. Trong các sắp xếp theo thứ tự giảm dần của lực sau đây, sắp xếp nào là đúng?**



1. F3 > F2 > F1
2. F2 > F3 > F1
3. F1 > F2 > F3
4. F2 > F1 > F3

**Câu 20: Một vật đang chuyển động thẳng với vận tốc v. Muốn vật chuyển động theo phương cũ và chuyển động chậm đi thì ta phải tác dụng một lực như thế nào vào vật? Hãy chọn câu trả lời đúng?**

1. Cùng phương cùng chiều với vận tốc.
2. Cùng phương ngược chiều với vận tốc.
3. Có phương vuông góc với vận tốc.
4. Có phương bất kì so với vận tốc.

**Câu 21: Khi chịu tác dụng của hai lực cân bằng:**

1. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động nhanh lên.
2. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều.
3. Vật đang chuyển động sẽ dừng lại.
4. Vật đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh lên.

**Câu 22: Hai lực cân bằng là:**

1. Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có chiều ngược nhau.
2. Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có chiều ngược nhau, có phương nằm trên hai đường thẳng khác nhau.
3. Hai lực cùng đặt vào hai vật khác nhau, cùng cường độ, có phương cùng trên một đường thẳng, có chiều ngược nhau.
4. Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có phương cùng trên một đường thẳng, có chiều ngược nhau.

**Câu 23: Quyển sách nằm yên trên mặt bàn nằm ngang. Các lực tác dụng vào quyển sách là:** A. Trọng lực P của Trái Đất với lực ma sát F của mặt bàn.

1. Trọng lực P của Trái Đất với lực đàn hồi.
2. Trọng lực P của Trái Đất với phản lực Q của mặt bàn.
3. Lực ma sát F với phản lực Q của mặt bàn.

**Câu 24: Một xe ô tô đang chuyển động thẳng thì đột ngột dừng lại. Hành khách trên xe sẽ như thế nào?**

1. Hành khách nghiêng sang phải
2. Hành khách nghiêng sang trái
3. Hành khách ngả về phía trước
4. Hành khách ngả về phía sau

**Câu 25: Giải thích tại sao khi bút bị tắc mực, ta thường vẩy bút thật mạnh thì lại viết được?**

1. Do bút chuyển động theo quán tính.
2. Do mực trong bút chuyển động theo quán tính bị đẩy ra phía ngòi bút.
3. Do cả bút và mực chuyển động theo quán tính. D. Do tay ta khi vẩy bút đã chuyển động theo quán tính.

**Câu 26: Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là chuyển động do quán tính:**

1. Một ô tô đang chạy trên đường.
2. Chuyển động của dòng nước đang chảy trên sông.
3. Chuyển động của vật đang thả rơi tự do.
4. Chuyển động của xe đạp khi ngừng đạp.

**Câu 27: Cách làm nào sau đây tăng được lực ma sát:** A. Tăng độ nhám của mặt tiếp xúc.

1. Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc.
2. Giảm độ nhám lên mặt tiếp xúc.
3. Tăng diện tích bề mặt tiếp xúc.

**Câu 28: Trường hợp nào sau đây lực xuất hiện KHÔNG PHẢI là lực ma sát:** A. Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.

1. Lực xuất hiện khi quả táo rơi từ trên cây xuống.
2. Lực xuất hiện làm mòn đế giày.
3. Lực xuất hiện khi em bé bị trượt ngã.

**Câu 29: Trường hợp nào sau đây xuất hiện lực ma sát trượt?** A. Viên bi lăn trên cát.

1. Bánh xe đạp chạy trên đường.
2. Trục ổ bi ở xe máy đang hoạt động.
3. Khi viết phấn trên bảng.

**Câu 30: Một ô tô chuyển động thẳng đều khi lực kéo theo phương chuyển động của ô tô là 1000N. Độ lớn của lực ma sát tác dụng lên bánh xe khi đó có thể nhận giá trị là? (bỏ qua lực cản của không khí)**

1. 600N.
2. 1000N.
3. 1200N.
4. 2000N.

**Câu 31: Lực nâng của mặt sân cỏ tác dụng lên quả bóng đang nằm yên trên sân có cường độ là bao nhiêu nếu quả bóng nặng 0,5kg?**

1. 0,5kg.
2. 0,5N.
3. 5N.
4. 5kg.

**Câu 32: Tác dụng một lực kéo là 30N lên chiếc bàn nhưng chiếc bàn vẫn đứng yên, chứng tỏ lực ma sát nghỉ tác dụng lên bàn cân bằng với lực kéo và có cường độ là:** A. 10N.

1. 20N.
2. 30N.
3. 40N.

 ------------------------------ Chúc các con làm bài tốt! ---------------------------------

 TRƯỜNG THCS GIA THỤY  **NG DẪN C ẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1**

 **TỔ TOÁN - LÝ MÔN VẬT LÝ 8 – ĐỀ 1**

*Đáp án và biểu điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi**  | **1**  | **2**  | **3**  | **4**  | **5**  | **6**  | **7**  | **8**  | **9**  | **10**  | **11**  | **12**  | **13**  | **14**  | **15**  | **16**  |
| **Đáp án**  | A  | C  | B  | D  | A  | B  | A  | D  | B  | B  | B  | C  | A  | A  | C  | D  |
| **Điểm**  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,4  | 0,3  |
| **Câu hỏi**  | **17**  | **18**  | **19**  | **20**  | **21**  | **22**  | **23**  | **24**  | **25**  | **26**  | **27**  | **28**  | **29**  | **30**  | **31**  | **32**  |
| **Đáp án**  | D  | A  | A  | B  | B  | D  | C  | C  | B  | D  | A  | B  | D  | B  | C  | C  |
| **Điểm**  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,4  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,4  | 0,4  | 0,3  |

**BAN GIÁM HIỆU**

**Phạm Thị Hải Vân**

 **TỔ/ NHÓM CM NG ỜI RA ĐỀ**

 **Trần Thị Huệ Chi Nguyễn Thị Thanh Vân**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIA THỤY **TỔ TOÁN - LÝ** **ĐỀ 2**  | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN: VẬT LÝ 8** **Năm học 2021 – 2022** *Ngày kiểm tra: 02/11/2021* *Thời gian làm bài: 45 phút* |

**Em hãy lựa chọn một phương án trả lời cho mỗi câu hỏi sau:**

**Câu 1: Bạn học sinh đang ngồi yên trong lớp học. Chọn câu nhận xét ĐÚNG:** A. Bạn học sinh đứng yên so với phòng học.

1. Bạn học sinh chuyển động so với cái bàn.
2. Bạn học sinh chuyển động so với ngôi trường D. Bạn học sinh đứng yên so với ô tô đi trên đường.

**Câu 2: Người lái đò đang ngồi yên trên một chiếc thuyền thả trôi theo dòng nước. Câu mô tả nào sau *đúng*:**

1. Người lái đò đứng yên so với dòng nước.
2. Người lái đò chuyển động so với dòng nước.
3. Người lái đò đứng yên so với bờ sông.
4. Người lái đò chuyển động so với chiếc thuyền.

[**Câu 3:** Chuyển động cơ học là:](https://khoahoc.vietjack.com/question/503993/chuyen-dong-co-hoc-la)

1. sự thay đổi khoảng cách theo không gian của vật so với vật khác
2. sự thay đổi phương chiều của vật
3. sự thay đổi vị trí của vật theo thời gian so với vật mốc
4. sự thay đổi hình dạng của vật so với vật khác

**Câu 4: Một ô tô chở hành khách đang đỗ trên đường. Câu mô tả nào sau đây là *đúng*:** A. Ô tô đứng yên so với hành khách.

1. Ô tô đang chuyển động so với cái cây bên đường.
2. Hành khách đang chuyển động so với người lái xe.
3. Hành khách đang chuyển động so với cây bên đường. **Câu 5:** Quỹ đạo chuyển động của vật là:
4. đường mà vật chuyển động vạch ra trong không gian.
5. đường thẳng vật chuyển động vạch ra trong không gian.  **C**. đường tròn vật chuyển động vạch ra trong không gian.

**D**. đường cong vật chuyển động vạch ra trong không gian.

**Câu 6: Quan sát một đoàn tàu đang chạy vào ga, trong các câu mô tả sau đây, câu mô tả nào là *sai*?**

1. Đoàn tàu đang chuyển động so với nhà ga.
2. Đoàn tàu đang đứng yên so với người lái tàu.
3. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang ngồi trên tàu.
4. Đoàn tàu đang chuyển động so với hành khách đang đứng dưới sân ga.

**Câu 7**: Quỹ đạo chuyển động của đầu kim đồng hồ khi đang hoạt động bình thường là:

1. Đường thẳng
2. đường tròn.
3. lúc đầu tròn lúc sau thẳng
4. lúc đầu thẳng lúc sau cong

**Câu 8: Khi có lực tác dụng lên vật thì vật đó sẽ như thế nào?** A. Vật luôn bị biến đổi chuyển động.

1. Vật luôn bị biến dạng.
2. Vật bị biến dạng hoặc biến đổi chuyển động hoặc cả hai kết quả cùng xảy ra.
3. Vật luôn bị biến dạng và không bị biến đổi chuyển động.

 **Câu 9: Vận tốc của xe máy là 45km/h, của tàu hỏa là 11,6m/s, của ô tô là 14m/s. Cách sắp xếp theo thứ tự vận tốc tăng dần nào sau đây là đúng?**

1. Tàu hỏa – ô tô – xe máy.
2. Xe máy – Tàu hỏa – ô tô.
3. Tàu hỏa – Xe máy – ô tô.
4. Xe máy – ô tô – tàu hỏa.

**Câu 10: Vận tốc của xe máy là 44km/h. Kết quả nào sau đây ứng với vận tốc trên:**

1. 54m/s.
2. 12,32m/s.
3. 11,5m/s.
4. 5,4m/s.

**Câu 11: Vận động viên chạy quãng đường dài 2km với vận tốc 8km/h. Thời gian để người đó đi hết quãng đường:** A. 700 giây.

1. 900 giây.
2. 1 giờ.
3. 14,4 phút.

**Câu 12: Độ lớn vận tốc cho biết:** A. Thời gian vật di chuyển.

1. Quãng đường vật di chuyển.
2. Chuyển động nhanh hay chậm.
3. Chuyển động cong hay thẳng.

**Câu 13: Trong các chuyển động sau, chuyển động nào là không đều:**

1. Chuyển động của kim đồng hồ đang hoạt động bình thường.
2. Chuyển động của xe máy khi giữ tay ga ổn định C. Chuyển động của chiếc thuyền với vận tốc 5km/h.

D. Chuyển động của cánh quạt khi mới bật.

**Câu 14: Một bạn học sinh đi xe đạp từ nhà đến trường hết 18 phút với chiều dài quãng đường là 3km. Vận tốc trung bình của bạn học sinh có giá trị là:**

1. 10 km/h.
2. 11 km/h.
3. 12 km/h.
4. 13km/h.

**Câu 15: Một người đi xe đạp xuống một cái dốc dài 100m hết 20 giây, khi hết dốc xe lăn tiếp một quãng đường nằm ngang dài 30m trong 10 giây rồi dừng lại. Vận tốc trung bình của người đi xe đạp đó trên cả quãng đường là:** A. 2,33 m/s.

1. 3,33 m/s.
2. 4,33 m/s.
3. 5,33 m/s.

**Câu 16: Sử dụng cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống: ..... là nguyên nhân làm thay đổi vận tốc của chuyển động.**

1. Vectơ
2. Thay đổi
3. Vận tốc
4. Lực

**Câu 17: Lực là đại lượng vec tơ vì có:** A. Phương, chiều.

1. Điểm đặt, phương, chiều.
2. Điểm đặt, phương, độ lớn.
3. Phương, chiều, độ lớn.

**Câu 18: Vật 1 và 2 đang chuyển động với các vận tốc v1 và v2 thì chịu các lực F1, F2 tác dụng như hình vẽ:**



Trong các kết luận sau, kết luận nào đúng? A. Vật 1 tăng vận tốc, vật 2 giảm vận tốc.

1. Vật 1 tăng vận tốc, vật 2 tăng vận tốc.
2. Vật 1 giảm vận tốc, vật 2 tăng vận tốc.
3. Vật 1 giảm vận tốc, vật 2 giảm vận tốc.

**Câu 19: Trên hình vẽ là lực tác dụng lên ba vật theo cùng một tỉ lệ xích như nhau. Trong các sắp xếp theo thứ tự tăng dần của lực sau đây, sắp xếp nào là đúng?**



1. F3 < F2 < F1
2. F2 < F3 < F1
3. F1 < F2 < F3
4. F2 < F1 < F3

**Câu 20: Một vật đang chuyển động thẳng với vận tốc v. Muốn vật chuyển động theo phương cũ và chuyển động nhanh lên thì ta phải tác dụng một lực như thế nào vào vật? Hãy chọn câu trả lời đúng?**

1. Cùng phương cùng chiều với vận tốc.
2. Cùng phương ngược chiều với vận tốc.
3. Có phương vuông góc với vận tốc.
4. Có phương bất kì so với vận tốc.

**Câu 21: Khi chịu tác dụng của hai lực cân bằng:** A. Vật đang đứng yên sẽ tiếp tục chuyển động.

1. Vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động.
2. Vật đang chuyển động sẽ dừng lại.
3. Vật đang đứng yên sẽ tiếp tục đứng yên.

**Câu 22: Dấu hiệu nào sau đây là của chuyển động theo quán tính?** A. Vận tốc của vật luôn thay đổi.

1. Độ lớn vận tốc của vật chỉ tăng.
2. Vật chuyển động theo đường cong.
3. Vật tiếp tục đứng yên hoặc tiếp tục chuyển động thẳng đều.

**Câu 23: Cái tủ nằm yên trên mặt sàn nằm ngang. Các lực tác dụng vào cái tủ là:** A. Trọng lực P của Trái Đất với lực ma sát F của mặt sàn.

1. Trọng lực P của Trái Đất với lực nén.
2. Trọng lực P của Trái Đất với lực nâng của mặt sàn.
3. Lực ma sát F với phản lực Q của mặt sàn.

**Câu 24: Một xe ô tô đang chuyển động thẳng thì đột ngột rẽ trái. Hành khách trên xe sẽ như thế nào?**

1. Hành khách nghiêng sang phải
2. Hành khách nghiêng sang trái
3. Hành khách ngả về phía trước
4. Hành khách ngả về phía sau

**Câu 25: Trong các chuyển động sau chuyển động nào là chuyển động do quán tính?**

1. Hòn đá lăn từ trên núi xuống.
2. Xe máy chạy trên đường.
3. Lá rơi từ trên cao xuống.
4. Xe đạp chạy sau khi thôi không đạp xe nữa.

**Câu 26: Giải thích tại sao khi bút bị tắc mực, ta thường vẩy bút thật mạnh thì lại viết được?**

1. Do bút chuyển động theo quán tính.
2. Do mực trong bút chuyển động theo quán tính bị đẩy ra phía ngòi bút.
3. Do cả bút và mực chuyển động theo quán tính.
4. Do tay ta khi vẩy bút đã chuyển động theo quán tính.

**Câu 27: Cách làm nào sau đây giảm được lực ma sát:** A. Tăng độ nhám của mặt tiếp xúc.

1. Tăng độ nhẵn giữa các mặt tiếp xúc.
2. Tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.
3. Tăng diện tích bề mặt tiếp xúc.

**Câu 28: Khi xe đang chuyển động, muốn xe dừng lại, người ta dùng phanh để:** A. tăng ma sát trượt

1. tăng ma sát lăn
2. tăng ma sát nghỉ D. tăng quán tính

**Câu 29: Một ô tô đang chuyển động trên mặt đường, lực tương tác giữa bánh xe với mặt đường là:**

1. ma sát trượt
2. ma sát nghỉ
3. ma sát lăn
4. lực quán tính

**Câu 30: Một ô tô chuyển động thẳng đều khi lực kéo của ô tô là 2000N. Độ lớn của lực ma sát tác dụng lên bánh xe khi đó có thể nhận giá trị là? (bỏ qua lực cản của không khí)**

1. 600N.
2. 2000N.
3. 1200N.
4. 3000N.

**Câu 31: Lực nâng của mặt sân cỏ tác dụng lên quả bóng đang nằm yên trên sân có cường độ là bao nhiêu nếu quả bóng nặng 0,2kg?**

1. 0,2kg.
2. 0,2N.
3. 2N.
4. 2kg.

**Câu 32: Tác dụng một lực kéo là 100N lên chiếc bàn nhưng chiếc bàn vẫn đứng yên, chứng tỏ lực ma sát nghỉ tác dụng lên bàn có cường độ là:** A. 60N.

1. 80N.
2. 100N.
3. 120N.

 ------------------------------- Chúc các con làm bài tốt! -----------------------------

**TR ỜNG T CS GIA T Ụ NG DẪN C ẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 TỔ TOÁN - LÝ MÔN VẬT LÝ 7 – ĐỀ 2**

*Đáp án và biểu điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi**  | **1**  | **2**  | **3**  | **4**  | **5**  | **6**  | **7**  | **8**  | **9**  | **10**  | **11**  | **12**  | **13**  | **14**  | **15**  | **16**  |
| **Đáp án**  | A  | A  | C  | A  | A  | C  | B  | C  | C  | B  | B  | C  | D  | A  | C  | D  |
| **Điểm**  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,4  | 0,3  |
| **Câu hỏi**  | **17**  | **18**  | **19**  | **20**  | **21**  | **22**  | **23**  | **24**  | **25**  | **26**  | **27**  | **28**  | **29**  | **30**  | **31**  | **32**  |
| **Đáp án**  | D  | A  | C  | A  | D  | D  | C  | A  | D  | B  | B  | A  | C  | B  | C  | C  |
| **Điểm**  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,4  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,3  | 0,4  | 0,4  | 0,3  |

**BAN GIÁM HIỆU**

**Phạm Thị Hải Vân**

 **TỔ/ NHÓM CM NG ỜI RA ĐỀ**

 **Nguyễn Thị Thanh Vân Trần Thị Huệ Chi**